

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 77/2024/DS-ST.

Ngày: 28-6-2024.

V/v: Tranh chấp kiện đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duy Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Cao Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một không tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Kiều Văn H, sinh năm 1982; địa chỉ: Số B đường L, Tổ C, Khu H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Văn S, sinh năm 1988; địa chỉ liên lạc: Số F hẻm F V, Khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 18/12/2023. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1984; địa chỉ: Số D đường P, Tổ A, Khu H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Kiều Văn H do người đại diện hợp pháp là ông Phạm Văn S trình bày:

Vào đầu năm 2017, ông H quen biết và có tình cảm với bà Nguyễn Thị Minh P. Trong thời gian đó, ông H có bán căn nhà riêng của ông nên có được số tiền 950.000.000đồng. Biết ông H có tiền nên bà P có hỏi vay tiền để đầu tư mua bán bất động sản. Do chưa có nhu cầu sử dụng tới nên ông H tin tưởng và đồng ý cho bà P vay, tất cả các lần vay đều được chuyển vào tài khoản số

5500205569756975 của bà Nguyễn Thị Minh P tại Ngân hàng TMCP N, cụ thể như sau:

Ngày 10/4/2017, ông H đã chuyển vào tài khoản của bà P tại Ngân hàng A số tiền là 730.000.000đ (bảy trăm ba mươi triệu đồng).

Ngày 21/9/2018, ông H cho bà P vay thêm số tiền là 25.000.000đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Ngày 21/11/2018, ông H cho bà P vay thêm số tiền là 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng).

Tổng số tiền ông H đã cho bà P là 805.000.000đồng (tám trăm lẻ năm triệu đồng).

Do thời điểm vay ông H và bà P đang có tình cảm với nhau nên ông H không yêu cầu bà P phải trả khoản tiền trên. Đến năm 2020, ông H, bà P đăng ký kết hôn. Trong thời gian hôn nhân, ông H không nhắc gì đến số tiền này.

Đến năm 2021, ông H, bà P đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 193/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, không giải quyết vấn đề tài sản.

Sau khi ly hôn, ông H đã yêu cầu bà P hoàn trả lại số tiền đã vay 805.000.000đồng cho ông. Ông H đã nhắc nhiều lần nhưng bà P không trả nên ông H đã gửi thông báo bằng văn bản yêu cầu bà P hoàn trả lại số tiền đã vay nhưng bà P vẫn không trả.

Do đó, nay ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Buộc bà Nguyễn Thị Minh P phải trả lại cho ông số tiền là 805.000.000đồng (tám trăm lẻ năm triệu đồng); không yêu cầu tính lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị Minh P tại nơi cư trú số D P, Tổ A, Khu H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, bà Minh P không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật tại Điều 179, Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa có ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật, riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn không tham gia phiên tòa là không chấp hành đúng pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến cũng như kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì thêm về phần thủ tục. Về nội dung, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình tố tụng, Tòa án đã thông báo và tổng đạt hợp lệ, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị Minh P tại nơi cư trú theo đúng quy định của pháp luật nhưng bà Nguyễn Thị Minh P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Căn cứ đề ông Kiều Văn H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Minh P hoàn trả số tiền 805.000.000đồng là Chứng từ giao dịch ngày 10/4/2017 với số tiền 730.000.000đồng, ngày 21/9/2018 là 25.000.000đồng và ngày 21/11/2018 là 50.000.000đồng do ông Kiều Văn H chuyển khoản vào tài khoản số 5500205569675 của bà Nguyễn Thị Minh P tại Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh B. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định do có quan hệ quen biết nên ông H có cho bà P mượn số tiền trên để làm vốn kinh doanh; việc cho mượn không có lãi. Nhưng sau khi ly hôn, mặc dù ông H đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà P không trả số tiền trên nên ông H khởi kiện yêu cầu bà P phải thanh toán cho ông số tiền nợ là 805.000.000đồng.

[3] Bị đơn bà Nguyễn Thị Minh P mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng bà không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố. Do đó, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn là có cơ sở xác định Chứng từ giao dịch ngày 10/4/2017, ngày 21/9/2018 và ngày 21/11/2018 là do ông Kiều Văn H chuyển khoản vào số Tài khoản số 5500205569675 của bà Nguyễn Thị Minh P là giao dịch có thật giữa bà P và ông H, phù hợp quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận

[4] Ý kiến của đại diện viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, Điều 96 Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 235, Điều 228, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Kiều Văn H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Minh P về việc tranh chấp kiện đòi tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị Minh P phải trả cho ông Kiều Văn H số tiền nợ gốc là 805.000.000đồng (Tám trăm lẻ năm triệu đồng) theo các Chứng từ giao dịch ngày 10/4/2017, ngày 21/9/2018 và ngày 21/11/2018.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Minh P phải chịu số tiền 36.150.000đồng (ba mươi sáu triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

Hoàn trả cho ông Kiều Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.075.000đồng (mười tám triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000701 ngày 29/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS TP. Thủ Dầu Một;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duy Nhân